

**CÔNG TY C PH N UT
TH NG M IXU TNH P KH U VI T PHÁT

**I UL
T CH C VÀ HO T NG**

H i Phòng, ngày 16 tháng 4 n m 2018

PHẦN MƯỜI

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c vào ngày 16 tháng 4 n m 2018.

CHƯƠNG I: NHỮNG Á CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây c hi u nh sau:
2. "V n i u l " là là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán ho c ã c ng ký mua khi thành l p doanh nghi p và quy nh t i i u 6 i u l này;
3. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014;
4. "Lu t Ch ng khoán" là Lu t Ch ng khoán ngày 29 tháng 6 n m 2006 và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t ch ng khoán ngày 24 tháng 11 n m 2010;
5. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
6. "Cán b qu n lý" là Giám c, Phó giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
7. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 34 i u 6 Lu t Ch ng khoán và Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
8. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
9. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam;
10. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
11. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên ti ng Vi t: Công ty C ph n u t th ng m i xu t nh p kh u Vi t Phát.

- Tên tiếng Anh: VIET PHAT IMPORT EXPORT TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Phát.
 - Tên viết tắt: VIETPHAT.JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường H Lý, Quận H Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại: 0225. 3569699

1. Fax: 0225. 3569689

2. E-mail:

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh theo các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trước khi chấm dứt hoạt động trực tiếp theo khoản 2 điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 53 điều lệ này, thì hiện hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Nghĩa vụ đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) nghĩa vụ đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền và nghĩa vụ của nghĩa vụ đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của điều lệ này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

T	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
3	Khai thác đá, cát, sỏi, sét	0810
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5	Buôn bán kim loại và quặng kim loại	4662

6	Phá d	4311
7	Chu n b m t b ng Chi ti t: San l p m t b ng công trình	4312
8	Khai thác qu ng s t	4100
9	Xây d ng nhà các lo i	0710
10	S n xu t các c u ki n kim lo i	2511
11	V n t i hàng hóa b ng ng b	4933
12	Xây d ng công trình công ích Chi ti t: Xây d ng, l p t các công trình b u chính, vi n thông, công ngh thông tin, ng dây và tr m bi n áp i n n 35 KV; Xây d ng công trình th y l i	4220
13	Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có liên quan Chi ti t: L p d án u t xây d ng công trình, l p h s m i th u, phân tích ánh giá h s d th u và u th u, th m tra thi t k , d toán công trình xây d ng, t v n qu n lý, d án u t xây d ng công trình; thi t k xây d ng công trình giao thông, kh o sát a ch t công trình, giám sát thi công xây d ng công trình giao thông.	7110
14	Ki m tra phân tích k thu t Chi ti t: Ki m tra phân tích bên c h c bê tông, k t c u	7120
15	C a, x , bào g và b o qu ng	1610
16	S n xu t g dán, g l ng, ván ép và ván m ng khác	1621
17	S n xu t g xây d ng	1629
18	S n xu t s n ph m khác t g ; s n xu t s n ph m t tre, n a, r m, r và v t li u t t b n.	7911
19	S n xu t bê tông và các s n ph m t xi m ng và th ch cao	2395
20	S n xu t, truy n t i và phân ph i i n Chi ti t: s n xu t i n	3510
21	Xây d ng công trình ng s t và ng b	4210
22	L p t h th ng c p, thoát n c, lò s i và i u hòa không khí	4322
23	L p t h th ng i n	4321
24	Khai thác, x lý, cung c p n c	3600
25	Buôn bán máy móc, thi t b và ph tùng máy khác Chi ti t; bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khai khoáng xây d ng	4659

26	Bán buôn v t li u, thi t b l p t khác trong xây d ñg Chi ti t: cho thuê máy móc, thi t b xây d ñg	4663
27	Cho thuê máy móc, thi t b và ðùng h u hình khác	7730
28	Tr ñg r ñg và ch m sóc r ñg	0210
29	Xu t nh p kh u cá m t hàng công ty kinh doanh	Ngành, ngh ch a kh p mã v i h th ñg ngành kinh t Vi t Nam

2. M c tiêu ho t ñg c a Công ty

- Kinh doanh có lãi, b o toàn và phát tri n v n c a các c ñng ã u t vào Công ty, hoàn thành các nhi m v ã c i h i ñg c ñng thông qua;
- T i a hoá hi u qu ho t ñg c a Công ty óng góp cho Ngân sách Nhà n c, óng góp tích c c vào s ph ñg vinh và phát tri n c a xã h i, không ñg ñg phát tri n Công ty ngày càng l n m nh.

i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ñg c a Công ty

- Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ñg kinh doanh theo Gi y ch ñg nh n ñg ký doanh nghi p và i u l này, phù h p v i quy ñh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
- Công ty c t ño kinh doanh trong nh ñg ngành, ngh mà pháp lu t không c m.

CH ñNG IV: V N I U L , C PH N, C ñNG SÁNG L P

i u 6. V n i u l , c ph n, c ñng sáng l p

- V n i u l c a Công ty là 200.000.000.000 VND (Hai tr m t ñg)
T ñg s v n i u l c a Công ty c chia thành 20.000.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ñg/c ph n.
- Công ty có th t ñg v n i u l khi c i h i ñg c ñng thông qua và phù h p v i các quy ñh c a pháp lu t.
- Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này bao g m c ph n ph thông và c ph n u ãi (n u có). Các quy n và ngh a v c a c ñng n m gi t ñg lo i c ph n c quy ñh t i i u 12, i u 13 i u l này.
- Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ñg c ñng và phù h p v i các quy ñh c a pháp lu t.
- Tên, a ch , s l ñg c ph n và các thông tin khác v c ñng sáng l p theo quy ñh c a Lu t doanh nghi p c nêu t i ph l c l ính kèm. Ph l c này là m t ph n c a i u l này.

6. Công nhân phải thông qua ưu tiên chào bán cho các công nhân khác theo trình tự ưu tiên quy định trong Công ty, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định khác. Sản phẩm công nhân không được ký mua hàng do Hội đồng quản trị của Công ty quy định. Hội đồng quản trị có thể phân phối sản phẩm cho các công nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán sản phẩm cho các công nhân thu nhập thấp hơn so với những công nhân đã chào bán cho các công nhân khác trừ trường hợp sản phẩm được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua sản phẩm do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Công nhân do Công ty mua là công nhân ưu tiên và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận công nhân ưu tiên

1. Công nhân của Công ty được ưu tiên công nhân ưu tiên trong việc mua và lợi ích của họ.
2. Công nhân là chứng nhân do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quy định số lượng chứng nhận của công ty. Công nhân ưu tiên có ý nghĩa các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chứng nhận quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua chứng nhận theo quy định thì phải ấn phát hành chứng nhận của Công ty, ngược lại sản phẩm chứng nhận công nhân ưu tiên. Ngược lại sản phẩm chứng nhận không phải cho Công ty chi phí in chứng nhận công nhân ưu tiên.
4. Trường hợp chứng nhận công nhân ưu tiên bị mất, bị hỏng hoặc bị hủy hoại, người sở hữu chứng nhận có thể yêu cầu cấp chứng nhận công nhân ưu tiên mới với điều kiện phải trả ra bản gốc chứng nhận và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có thể ký của người đi theo pháp luật và được của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng chứng nhận

1. Tất cả các chứng nhận do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Công nhân niêm yết, người ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

2. Công ty không chuyển nhượng và hình thành các quy định liên quan như quy định về mua bán, quy định về mua sắm, quy định về mua sắm hàng hóa, quy định về mua sắm hàng hóa chào bán và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thủ tục thanh toán

1. Trường hợp Công ty không thanh toán và ứng dụng tiền phí mua sắm, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và nêu chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số công nợ thanh toán hệ thống thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các công nợ thanh toán và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thực hiện.
4. Công nợ thu hồi được coi là các công nợ quy định chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công ty nên ghi công nợ thu hồi phải bắt buộc công ty và hình thành công nợ, nêu rõ nội dung thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công nợ và tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 5% mỗi năm) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công nợ thanh toán toàn bộ giá trị phí vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi công nợ nên ghi rõ nội dung công nợ thu hồi thực tế thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CÔNG TY CÔNG DỤNG, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Công dụng, quản trị và kiểm soát

1. Công dụng, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
2. Hình thức công;
3. Hội đồng quản trị;
4. Ban kiểm soát;
5. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI: CÔNG VÀ HÌNH THỨC CÔNG

Điểm 12. Quy định chung

1. Công ty là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo sở hữu và lợi ích sở hữu mà họ sở hữu. Công ty chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Công ty phải tuân theo các quy định sau:
 - a. Tham gia và phát hành chứng khoán trong các cuộc họp đại hội đồng và thực hiện quy định về quy trình tố tụng của công ty hoặc thông qua đại diện của quy định hoặc thực hiện bằng pháp lý;
 - b. Nhận xét về việc tuân theo quy định của đại hội đồng;
 - c. Chuyển nhượng chứng khoán đã thanh toán đầy đủ theo quy định của pháp luật này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua chứng khoán chào bán công khai và ưu tiên mua chứng khoán mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích dẫn các thông tin liên quan đến công ty và yêu cầu sử dụng các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách công ty có quy định về đại hội đồng;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích dẫn hồ sơ công ty, biên bản họp đại hội đồng và nghị quyết đại hội đồng;
 - h. Trường hợp Công ty ghi nợ hoặc phá sản, các khoản nợ tài sản còn lại của công ty (bao gồm cả nghĩa vụ của nhà cầm quyền, thuế, phí) và thanh toán cho các công nợ mà các lợi ích khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại chứng khoán của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quy định khác theo quy định của pháp luật và pháp luật này.
3. Công ty hoặc nhóm công ty nắm giữ 5% tổng số chứng khoán phải thông báo lên trong thị trường liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quy định sau:
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 pháp luật này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp đại hội đồng theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công ty có quy định tham gia và phát hành chứng khoán đại hội đồng;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tổng hợp các thông tin liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, họ và tên, địa chỉ, họ và tên, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cá nhân là tổ chức; số chứng khoán và thị

i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

e. Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 13. Ngh a v c a c ông

C ông ph thông có các ngh a v sau:

1. Tuân th i u l công ty và các quy ch n i b c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr .
2. Tham d cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t thông qua các hình th c sau:
 - a. Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
 - b. y quy n cho ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
 - c. Tham d và bi u quy t thông qua h p tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
 - d. G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t .
3. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh.
4. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n.
5. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.
6. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh Công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:
 - a. Vi ph m pháp lu t;
 - b. Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c các r i ro tài chính i v i Công ty.

i u 14. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty. i h i c ông th ng niên c t ch c m i n m m t (01) l n. i h i ng c ông ph i h p th ng niên trong th i h n b n (04) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.
2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty, c bi t thông qua báo cáo tài chính n m và d toán cho n m tài chính t p theo. Tr ng h p Báo cáo ki m toán báo cáo tài chính n m c a công ty có các kho n ngo i tr tr ng y u, Công ty có th m i i di n công ty ki m toán c l p d h p i h i ng c ông th ng niên gi i thích các n i dung liên quan.
3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:
 - a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;

- b. [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phản ánh vắn tắt số dư và biến động của (1/2) số vốn ủy thác];
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên chấp hành Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bằng quá một phần ba (1/3) số vốn ủy thác thành viên quy định tại Điều này;
- d. Công hoặc nhóm công quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều này yêu cầu từ một phần ba số vốn ủy thác. Yêu cầu từ một phần ba số vốn ủy thác phải có thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chữ ký của các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu chấp hành thành viên bản và một phần ba số vốn ủy thác có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu từ một phần ba số vốn ủy thác Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều này.

4. Từ một phần ba số vốn ủy thác bắt đầu

- a. Hội đồng quản trị phải từ một phần ba số vốn ủy thác trong thời hạn ba tháng kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên chấp hành Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại không quy định tại Điều 3 Điều này hoặc nhân viên yêu cầu quy định tại Điều 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không từ một phần ba số vốn ủy thác theo quy định tại Điều 4 Điều này thì trong thời hạn ba tháng (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị từ một phần ba số vốn ủy thác theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không từ một phần ba số vốn ủy thác theo quy định tại Điều 4 Điều này thì trong thời hạn ba tháng (30) ngày tiếp theo, công hoặc nhóm công có yêu cầu quy định tại Điều 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từ một phần ba số vốn ủy thác theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
- a. Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công từ một phần ba số vốn ủy thác có thể yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục từ một phần ba số vốn ủy thác và ra quyết định về việc từ một phần ba số vốn ủy thác. Tất cả chi phí cho việc từ một phần ba số vốn ủy thác và trình tự hành động của Công ty hoàn toàn do Công ty chịu. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham gia cuộc họp từ một phần ba số vốn ủy thác, kể cả chi phí nhân viên.

Điều 15. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng công

- 1. Hội đồng công thành lập có quy định số lượng và thông qua các văn bản sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Điều kiện công nghệ hiện tại và bất cập công nghệ thông qua quy định như các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mục tiêu thanh toán hàng năm cho các lợi ích phân phối phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định liên quan về lợi ích phân phối. Mục tiêu này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các công tác chủ trì điều kiện công nghệ;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lãnh đạo công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tình trạng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sa thải nhân viên công ty;
 - h. Lợi ích phân phối và số lượng cổ phiếu mới phát hành vì lợi ích phân phối và việc chuyển nhượng cổ phiếu của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - j. Thành lập và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và công nghệ;
 - l. Quy định giao dịch mua/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hàng năm để đảm bảo tính minh bạch;
 - m. Quy định mua lại trên 10% tổng số cổ phiếu phát hành của lợi ích;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những cá nhân quy định tại khoản 1 điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hàng năm;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
3. Công nghệ không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 điều này khi công nghệ có liên quan tới công nghệ là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lợi ích phân phối của công nghệ có liên quan tới công nghệ có thể xảy ra vì việc mua lợi ích phân phối thể hiện tình trạng ngụy tạo lợi ích của tất cả các công nghệ hoặc việc mua lợi ích thể hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

i u 16. i di n theo y quy n

1. Các c ông có quy n tham d cu c h p i h i ng c ông theo quy nh c a pháp lu t có th y quy n cho cá nhân, t ch c i di n tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c y quy n cho m i ng i i di n.
2. Vi c y quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:
 - a. Tr ng h p c ông cá nhân là ng i y quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a c ông ó và cá nhân, ng i i di n theo pháp lu t c a t ch c c y quy n đ h p;
 - b. Tr ng h p c ông t ch c là ng i y quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông t ch c và cá nhân, ng i i di n theo pháp lu t c a t ch c c y quy n đ h p;
 - c. Trong tr ng h p khác thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p.

Ng i c y quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n y quy n khi ng ký đ h p tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh ng i i di n, vi c ch nh ng i i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh ng i i di n ó c xu t trình cùng v i gi y y quy n cho lu t s (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).
4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi x y ra m t trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;
 - b. Ng i y quy n ã h y b vi c ch nh y quy n;
 - c. Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vi c y quy n.

i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 17. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 65% c ph n ph thông tham đ h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 65% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ãi nêu trên bi u quy t thông qua. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì

cuộc họp chốt chốt lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phải thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền được coi là số lượng bị yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của công ty nắm giữ cổ phần nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bị hủy bỏ. Mọi phần cùng loại có quyền bị hủy bỏ quy tụ ngang bằng nhau thì các cuộc họp nêu trên.

2. Tất cả tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy để thể hiện tổng thể về các quy định từ ngày 19 và ngày 21 tháng 1 năm nay.
3. Trường hợp nếu không phát hành các phần quy định khác, các quy định bị tạm ngừng liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các phần cùng loại.

Điều 18. Trình tự lập, chỉnh sửa và thông báo lập lại hội đồng

1. Hội đồng quản trị lập lại hội đồng hoặc cuộc họp lập lại hội đồng theo các trường hợp quy định trong điều khoản 4 của điều 14 của luật này.
2. Người lập lại hội đồng phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách công ty đủ để tham gia và bị yêu cầu tái lập hội đồng. Danh sách công ty có quyền đề nghị lập lại hội đồng của công ty không sớm hơn mười (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp lập lại hội đồng;
 - b. Chuẩn bị chỉnh sửa, nội dung lập lại;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho lập lại;
 - d. Đề nghị quy định lập lại hội đồng theo nội dung đề nghị của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm họp lập lại;
 - f. Thông báo và gửi thông báo mời họp lập lại hội đồng cho tất cả các công ty có quyền đề nghị;
 - g. Các công việc khác phục vụ lập lại.
3. Thông báo mời họp lập lại hội đồng gửi cho tất cả các công ty bằng phương thức báo, đăng tải công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban chỉnh sửa Nhà nước, Ủy ban điều chỉnh chỉnh sửa (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người lập lại hội đồng phải gửi thông báo mời họp lập lại hội đồng trong Danh sách công ty có quyền đề nghị lập lại [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp lập lại hội đồng (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện, chi phí hoặc chi trả vào hôm đó). Chỉnh sửa, các tài liệu liên quan đến các văn bản ủy quyền tái lập hội đồng gửi cho các công ty và đăng trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm

thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ ng d n n toàn b tài li u h p các c ông có th ti p c n, bao g m:

- a. Ch ng trình h p, các tài li u s d ng trong cu c h p;
 - b. Danh sách và thông tin chi ti t c a các ng viên trong tr ng h p b u thành viên H i ng qu n tr , Ki m soát viên;
 - c. Phi u bi u quy t;
 - d. M u ch nh i di n theo y quy n d h p;
 - e. D th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng trình h p.
4. C ông ho c nhóm c ông theo quy nh t i kho n 3 i u 12 i u l này có quy n ki n ngh v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và ph i c g i n Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i bao g m h và tên c ông, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng và lo i c ph n c ông ó n m gi , và n i dung ki n ngh a vào ch ng trình h p.
5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau:
- a. Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
 - b. Vào th i i m ki n ngh , c ông ho c nhóm c ông không n m gi t 10% c ph n ph thông tr lên trong th i gian liên t c ít nh t sáu (06) tháng theo quy nh t i kho n 3 i u 12 i u l này;
 - c. V n ki n ngh không thu c ph m vi th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 19. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông c ti n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m xác nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y cu c h p. Cu c h p i h i ng c ông ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c h p i h i ng c ông l n th nh t. Cu c h p i h i ng c ông tri u t p l n th hai ch c ti n hành khi có s c ông d h p i di n ít nh t 33% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
3. Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, cu c h p i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh ti n hành i h i l n hai. Trong tr ng h p này, i h i c ti n hành không ph thu c vào t ng s phi u có quy n bi u

quy tắc của các công đồng địa phương, coi là hợp lệ và có quy định quy tắc nội bộ của các văn kiện được phê chuẩn từ trước khi công đồng địa phương thành lập.

Điều 20. Thành lập và biểu quyết từ trước khi công đồng

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký công đồng và phải thông báo về việc đăng ký cho các công đồng có quy định địa phương có mặt đăng ký.
2. Khi tiến hành đăng ký công đồng, Công ty cấp cho công đồng hồ sơ đi kèm quy định có quy định biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của công đồng, họ và tên đi kèm quy định và số phiếu biểu quyết của công đồng. Khi tiến hành biểu quyết từ trước khi, sẽ tiến hành thành lập quy tắc thu trước, sẽ tiến hành quy tắc thu sau, cùng một số phiếu tiến hành hay phần biểu quyết. Tổng số phiếu tiến hành, phần biểu phiếu trong hồ sơ không hợp lệ theo quy định của Hiến pháp thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết văn bản. Điều lệ biểu quyết nội bộ chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm tra phiếu theo quy định của Hiến pháp. Thành viên của ban kiểm tra phiếu do điều lệ công đồng quy định theo quy định của Hiến pháp chấp hành.
3. Công đồng địa phương quy định sau khi cuộc họp đã khai mạc có quy định đăng ký ngay và sau đó có quy định tham gia và biểu quyết từ trước khi ngay sau khi đăng ký. Hiến pháp không có trách nhiệm đăng ký điều lệ cho công đồng nội bộ đăng ký và điều lệ của nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Hiến pháp Hội đồng quản trị làm Hiến pháp của các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Hiến pháp văn bản nội bộ tiến hành làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bổ sung nội dung trong hồ sơ làm Hiến pháp của cuộc họp theo nguyên tắc của Hiến pháp. Trường hợp không bổ sung nội bộ làm Hiến pháp, Trường Ban kiểm tra soát điều lệ khi điều lệ công đồng bổ sung Hiến pháp của cuộc họp trong số nội dung nội bộ và nội bộ có phiếu biểu quyết làm Hiến pháp của cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, nội bộ ký tên triệu tập họp điều lệ công đồng nội bộ khi cuộc họp điều lệ công đồng bổ sung Hiến pháp của cuộc họp và nội bộ có số phiếu biểu quyết cao nhất của cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được điều lệ công đồng thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ ràng và chi tiết thời gian nội bộ tiến hành trong nội dung chương trình họp.
6. Hiến pháp điều lệ có thể tiến hành các hoạt động nội bộ khi cuộc họp điều lệ công đồng mở cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phần ảnh hưởng mong muốn của các biểu quyết tham dự.
7. Hiến pháp điều lệ có thể hoãn điều lệ khi có sự bất hợp pháp yêu cầu của điều lệ công đồng đã có sự đồng ý của nội bộ địa phương nội bộ tiến hành theo quy định nội bộ khoản 8 điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n yêu c u các c ông ho c i di n c y quy n tham d h p i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác. Tr ng h p có c ông ho c i di n c y quy n không tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, ng i tri u t p h p i h i ng c ông sau khi xem xét m t cách c n tr ng có quy n t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nêu trên ra kh i i h i.
9. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp thích h p :
- B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;
 - B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;
 - T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d) i h i. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.
10. Trong tr ng h p cu c h p i h i ng c ông áp d ng các bi n pháp nêu trên, ng i tri u t p h p i h i ng c ông khi xác nh a i m i h i có th :
- Thông báo i h i c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch t a i h i có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
 - B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c y quy n không d h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;
- Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.
11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.
12. Hàng n m, Công ty t ch c h p i h i ng c ông ít nh t m t (01) l n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c d i hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n.

i u 21. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

- Tr tr ng h p quy nh t i kho n 2, kho n 3 i u này, các quy t nh c a i h i ng c ông v các v n sau ây s c thông qua khi có t [51%] tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i cu c h p i h i ng c ông:
 - Thông qua báo cáo tài chính n m;
 - K ho ch phát tri n ng n và dài h n c a Công ty;
 - Mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát và báo cáo vi c H i ng qu n tr b nhi m T ng giám c.

2. Ủy thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quy định của Hội đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán, việc chuyển nhượng hay ghi nhận doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kế toán năm trước khi thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt tối thiểu của Hội đồng.
4. Các nghị quyết của Hội đồng được thông qua bằng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và được thông qua nghị quyết đó không cần thực hiện ứng xử quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng thành viên thông qua quy định của Hội đồng

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng thành viên thông qua quy định của Hội đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến công đồng thành viên thông qua quy định của Hội đồng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chú ý đến quyền lợi của công đồng và các tài liệu ghi trình diễn nghị quyết. Hội đồng quản trị phải thông báo, công bố tài liệu cho các công đồng trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và ghi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp thường niên của Hội đồng. Yêu cầu và cách thức ghi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 18 điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của công đồng là tổ chức; số lượng cổ phiếu nắm giữ và số phiếu biểu quyết của công đồng;
 - d. Vấn đề lấy ý kiến được thông qua quy định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến về vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn ghi vào Công ty phiếu lấy ý kiến để kiểm tra;
 - g. Họ, tên, chức ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phi u l y ý k i n ã c t r l i p h i c ó c h k ý c a c ô n g l à c á n h â n , h o c n g i i d i n t h e o p h á p l u t c a c ô n g l à t c h c h o c c á n h â n , n g i i d i n t h e o p h á p l u t c a t c h c c y q u y n .
5. Phi u l y ý k i n c ó t h c g i v C ô n g t y t h e o c á c h ì n h t h c s a u :
 - a. G i t h : Phi u l y ý k i n g i v C ô n g t y p h i c n g t r o n g p h o n g b i d á n k í n v à k h ô n g a i c q u y n m t r c k h i k i m p h i u ;
 - b. G i f a x h o c t h i n t : Phi u l y ý k i n g i v C ô n g t y q u a f a x h o c t h i n t p h i c g i b í m t n t h i i m k i m p h i u .

Các phi u l y ý k i n C ô n g t y n h n c s a u t h i h n ã x á c n h t i n i d u n g p h i u l y ý k i n h o c ã b m t r o n g t r n g h p g i t h h o c c c ô n g b t r c t h i i m k i m p h i u t r o n g t r n g h p g i f a x , t h i n t l à k h ô n g h p l . Phi u l y ý k i n k h ô n g c g i v c c o i l à p h i u k h ô n g t h a m g i a b i u q u y t .

6. H i n g q u n t r k i m p h i u v à l p b i ê n b n k i m p h i u d i s c h n g k i n c a B a n k i m s o á t h o c c a c ô n g k h ô n g p h i l à n g i i u h à n h d o a n h n g h i p . B i ê n b n k i m p h i u p h i c ó c á c n i d u n g c h y u s a u â y :
 - a. T ê n , a c h t r s c h í n h , m ã s d o a n h n g h i p ;
 - b. M c í c h v à c á c v n c n l y ý k i n t h ô n g q u a n g h q u y t ;
 - c. S c ô n g v i t n g s p h i u b i u q u y t ã t h a m g i a b i u q u y t , t r o n g ó p h â n b i t s p h i u b i u q u y t h p l v à s b i u q u y t k h ô n g h p l v à p h n g t h c g i p h i u b i u q u y t , k ò m t h e o p h l c d a n h s á c h c ô n g t h a m g i a b i u q u y t ;
 - d. T n g s p h i u t á n t h à n h , k h ô n g t á n t h à n h v à k h ô n g c ó y k i n i v i t n g v n ;
 - e. C á c v n ã c t h ô n g q u a ;
 - f. H , t ê n , c h k ý c a C h t c h H i n g q u n t r , n g i i d i n t h e o p h á p l u t c a C ô n g t y , n g i k i m p h i u v à n g i g i á m s á t k i m p h i u .

Các thành viên H i n g q u n t r , n g i k i m p h i u v à n g i g i á m s á t k i m p h i u p h i l i ê n i c h u t r á c h n h i m v t í n h t r u n g t h c , c h í n h x á c c a b i ê n b n k i m p h i u ; l i ê n i c h u t r á c h n h i m v c á c t h i t h i p á t s i n h t c á c q u y t n h c t h ô n g q u a d o k i m p h i u k h ô n g t r u n g t h c , k h ô n g c h í n h x á c .

7. B i ê n b n k i m p h i u p h i c g i n c á c c ô n g t r o n g v ò n g m i l m (1 5) n g à y , k t n g à y k t t h ú c k i m p h i u . T r n g h p C ô n g t y c ó t r a n g t h ô n g t i n i n t , v i c g i b i ê n b n k i m p h i u c ó t h t h a y t h b n g v i c n g t i t r ê n t r a n g t h ô n g t i n i n t c a C ô n g t y t r o n g v ò n g h a i m i t (2 4) g i , k t t h i i m k t t h ú c k i m p h i u .
8. Phi u l y ý k i n ã c t r l i , b i ê n b n k i m p h i u , n g h q u y t ã c t h ô n g q u a v à t à i l i u c ó l i ê n q u a n g i k ò m t h e o p h i u l y ý k i n u p h i c l u g i t i t r s c h í n h c a C ô n g t y .
9. N g h q u y t c t h ô n g q u a t h e o h ì n h t h c l y ý k i n c ô n g b n g v n b n p h i c s c ô n g i d i n í t n h t 5 1 % t n g s c p h n c ó q u y n b i u q u y t c h p t h u n v à c ó g i á t r n h n g h q u y t c t h ô n g q u a t i c u c h p i h i n g c ô n g .

Điểm 23. Biên bản họp Hội đồng

1. Cuộc họp Hội đồng phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức khác. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Hội đồng;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Hội, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Hội đồng và từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số ông và tiếng số phiếu bầu quy tắc các công đồng đề xuất, phần danh sách ông ký công, nội dung công đề xuất và số phiếu bầu từng ông;
 - g. Tiếng số phiếu bầu quy tắc invit ông vấn đề bầu quy tắc, trong đó ghi rõ phần quy tắc bầu quy tắc, tiếng số phiếu chấp, không chấp, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tất cả ông trên tiếng số phiếu bầu quy tắc các công đề xuất;
 - h. Các vấn đề thông qua và tất cả phiếu bầu quy tắc thông qua từng ông;
 - i. Chủ ký chủ tọa và thư ký.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Hội đồng phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên hệ và tính trung thực, chính xác các nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Hội đồng phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc các công đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã tiến hành thực hiện cuộc họp Hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.
5. Biên bản họp Hội đồng, phần danh sách ông ký đề xuất kèm chủ ký các ông, văn bản quy định tham dự họp và tài liệu có liên quan phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điểm 24. Yêu cầu hủy bỏ quy tắc nội họp Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm tra phiếu lý do kiến nghị ông bầu vấn đề, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trợ tài xem xét, hủy bỏ quy định của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục rút phép công quyền không đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và luật này, trường hợp quy định tại khoản 4 điều 21 luật này.
2. Nội dung quy định vi phạm pháp luật của luật này.

Trường hợp quy định của Hội đồng hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trợ tài, nghị quyết rút phép công quyền hủy bỏ có thể xem xét thực hiện trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định của Luật doanh nghiệp và luật này.

VII. HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ

Điều 25. Hội đồng, các thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định các thành viên, thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị của vào tài liệu lập Hội đồng và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng trên trang thông tin internet của Công ty. Công ty có thể tìm hiểu các thành viên này trước khi bầu. Thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân của công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và trung thành làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà thành viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá đóng góp của thành viên cho Công ty, trong trường hợp thành viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của các công ty hoặc nhóm công ty mà thành viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các công ty nắm giữ cổ phần phải thông báo trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định quy định quy định của các thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hoặc nhóm công ty nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quy định quy định của công ty (01) thành viên; từ 10% đến 30% của công ty hai (02) thành viên; từ 30% đến 40% của công ty ba (03) thành viên; từ 40% đến 50% của công ty bốn (04) thành viên; từ 50% đến 60% của công ty năm (05) thành viên; từ 60% đến 70% của

c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.

3. Tr ng h p s l ng ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. Th t c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u ng viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c theo quy nh pháp lu t.

i u 26. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr là 05 (n m) ng i. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .
2. C c u thành viên H i ng qu n tr nh sau: T ng s thành viên c l p H i ng qu n tr ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr .
3. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - c. Có n t ch c;
 - d. B r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - e. Không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr trong vòng sáu (06) tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
 - f. Theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - g. Cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng viên H i ng qu n tr ;
 - h. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.
4. V i c b nhi m thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
5. Thành viên H i ng qu n tr có th không ph i là c ông c a Công ty.

i u 27. Quy n h n và ngh a v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n các quy n và ngh a v c a Công ty không thu c th m quy n c a i h i ng c ông.
2. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l công ty và i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và ngh a v sau:

- a. Quy định nhân lực, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hàng năm trên cơ sở các mục tiêu nhân lực của Hội đồng thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và vị Tổng giám đốc, người đi u hành khác và quy định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người đi u hành khác;
 - e. Giám quy định các khiếu nại của Công ty và việc người đi u hành doanh nghiệp công nhận quy định của nhân viên đi u của Công ty giám quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý và việc người đi u hành đó;
 - f. Quy định các cấu trúc của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đi u và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Xuất vị trí chức danh người đi u của Công ty;
 - i. Quy định quy chế nhân viên quản trị công ty sau khi Hội đồng chấp thuận thông qua hiệu quả của Hội đồng;
 - j. Duy trì chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Hội đồng, tri u t pháp lý Hội đồng hoặc lý do khác Hội đồng thông qua quy định;
 - k. Xuất mức thuế hàng năm; quy định thuế thu nhập và thuế chuyển nhượng;
 - l. Xuất các loại chứng khoán phát hành và tài sản chứng khoán phát hành theo từng loại;
 - m. Xuất vị trí phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - n. Quy định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp Hội đồng chấp thuận quy định;
 - o. Trình báo cáo tài chính năm tài khoản toán, báo cáo quản trị công ty lên Hội đồng;
 - p. Báo cáo Hội đồng về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - q. Các quy định và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Nhiệm vụ sau đây thuộc về Hội đồng quản trị phê duyệt:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đi u của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 149 Luật doanh nghiệp và trường hợp quy định tại khoản 2 điều 135 và khoản 1, khoản 3 điều 162 Luật doanh nghiệp pháp lý Hội đồng phê duyệt, Hội đồng quản trị quy định về việc thành lập, sáp nhập và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chọn và bãi nhiệm những người của Công ty ý nghĩa là đi u nhân viên và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thành lập các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;

- f. Các khoản thuế không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ...
người Việt Nam hoặc các khoản thuế vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán chứng khoán, phần vốn góp tại các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong phát hành chứng phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quý hiếm, đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số chứng khoán đã chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quy định giá mua lại hoặc thu hồi chứng khoán của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo tình hình công việc hoạt động của mình, chủ yếu là việc giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trưởng ban Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trường hợp pháp luật và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đi diễn giải công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đi diễn viên ủy quyền) của nhân viên thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thứ tự ưu tiên trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thứ tự ưu tiên.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua chứng khoán và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đi diễn viên phần vốn góp phải công bố chi tiết trong Báo cáo tài chính năm của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải chi trả thành mức riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện nhiệm vụ công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nhân viên ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao đi diễn viên mức tiền công trả gói theo từng lần, tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc đi diễn viên hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi diễn viên, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách

nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý và điều hành công ty trong các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra.
2. Chức năng Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chủ trì, tài liệu, tri thức và các tài liệu của Hội đồng quản trị; các tài liệu của Hội đồng quản trị; đồng thời có các quy định và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chức năng Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty con của Hội đồng quản trị.
4. Chức năng Hội đồng quản trị có thể bãi miễn theo quy định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu ra Hội đồng quản trị sẽ có một cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (mười bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc một phiếu bầu cao nhất chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc một phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số chung nhất (01) người trong số họ chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị.
2. Chức năng Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị như sau và bắt đầu, lập kế hoạch, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Chức năng có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chức năng Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không có triệu tập hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện sau đây xảy ra:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất một (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chức năng Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (mười bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo yêu cầu thì Chức năng Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ thi hành của Công ty; nhưng người này

t ch c h p c nêu t i kho n 3 i u 30 có quy n tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Tr ng h p có yêu c u c a công ty ki m toán c l p th c hi n ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.
6. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành t i tr s chính c a Công ty ho c t i a i m khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t tríc a H i ng qu n tr .
7. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i cho các thành viên H i ng qu n tr và các Ki m soát viên ít nh t n m (05) ngày làm vi c tr c ngày h p. Thành viên H i ng qu n tr có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n, vi c t ch i này có th c thay i ho c h y b b ng v n b n c a thành viên H i ng qu n tr ó. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y th i gian, a i m h p, ch ng trình, n i dung các v n th o lu n, kèm theo tài li u c n thi t v nh ng v n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.

Thông báo m i h p c g i b ng th , fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr và các Ki m soát viên c ng ký t i Công ty.

8. Các cu c h p c a H i ng qu n tr c ti n hành khi có ít nh t ba ph n t (3/4) t ng s thành viên H i ng qu n tr có m t tr c ti p ho c thông qua ng i i di n (ng i c y quy n) n u c a s thành viên H i ng qu n tr ch p thu n.

Tr ng h p không s thành viên d h p theo quy nh, cu c h p ph i c tri u t p l n th hai trong th i h n b y (07) ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Cu c h p tri u t p l n th hai c ti n hành n u có h n m t n a (1/2) s thành viên H i ng qu n tr d h p.

9. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c h i ngh tr c tuy n gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

- a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;
- b. Phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i. Vi c th o lu n gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác ho c k t h p các ph ng th c này. Thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà có ông nh t thành viên H i ng qu n tr, ho c là a i m có m t Ch t a cu c h p.

Các quy t nh c thông qua trong cu c h p qua i n tho i c t ch c và ti n hành m t cách h p th c, có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i

c. kh. ng. nh. b. ng. các. ch. ký. trong. biên. b. n. c. a. t. t. c. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. tham. d. cu. c. h. p. này.

10. Thành viên H. i. ng. qu. n. tr. có. th. g. i. phi. u. bi. u. quy. t. n. cu. c. h. p. thông. qua. th. ,. fax,. th. i. n. t. . Tr. ng. h. p. g. i. phi. u. bi. u. quy. t. n. cu. c. h. p. thông. qua. th. ,. phi. u. bi. u. quy. t. ph. i. ng. trong. phong. bì. kín. và. ph. i. c. chuy. n. n. Ch. t. ch. H. i. ng. qu. n. tr. ch. m. nh. t. m. t. (01). gi. tr. c. khi. khai. m. c. Phi. u. bi. u. quy. t. ch. c. m. tr. c. s. ch. ng. ki. n. c. a. t. t. c. ng. i. d. h. p.

11. Bi. u. quy. t.

a. Tr. quy. nh. t. i. i. m. b. kho. n. 11. i. u. 30, m. i. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. ho. c. ng. i. c. y. quy. n. theo. quy. nh. t. i. kho. n. 8. i. u. này. tr. c. ti. p. có. m. t. v. i. t. cách. cá. nh. ân. t. i. cu. c. h. p. H. i. ng. qu. n. tr. có. m. t. (01). phi. u. bi. u. quy. t.;

b. Thành viên H. i. ng. qu. n. tr. không. c. bi. u. quy. t. v. các. h. p. ng, các. giao. d. ch. ho. c. xu. t. mà. thành. viên. ó. ho. c. ng. i. liên. quan. t. i. thành. viên. ó. có. l. i. ích. và. l. i. ích. ó. mâu. thu. n. ho. c. có. th. mâu. thu. n. v. i. l. i. ích. c. a. Công. ty. Thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. không. c. tính. vào. t. l. thành. viên. t. i. thi. u. có. m. t. có. th. t. ch. c. cu. c. h. p. H. i. ng. qu. n. tr. v. nh. ng. quy. t. nh. mà. thành. viên. ó. không. có. quy. n. bi. u. quy. t.;

c. Theo. quy. nh. t. i. i. m. d. kho. n. 11. i. u. 30, khi. có. v. n. phát. sinh. t. i. cu. c. h. p. liên. quan. n. l. i. ích. ho. c. quy. n. bi. u. quy. t. c. a. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. mà. thành. viên. ó. không. t. nguy. n. t. b. quy. n. bi. u. quy. t., phán. quy. t. c. a. ch. t. a. là. quy. t. nh. cu. i. cùng, tr. tr. ng. h. p. tính. ch. t. ho. c. ph. m. vi. l. i. ích. c. a. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. liên. quan. ch. a. c. công. b. y. ;

d. Thành viên H. i. ng. qu. n. tr. h. ng. l. i. t. m. t. h. p. ng. c. quy. nh. t. i. i. m. a. và. i. m. b. kho. n. 5. i. u. 40. i. u. l. này. c. coi. là. có. l. i. ích. áng. k. trong. h. p. ng. ó.;

e. Ki. m. soát. viên. có. quy. n. d. cu. c. h. p. H. i. ng. qu. n. tr., có. quy. n. th. o. lu. n. nh. ng. không. c. bi. u. quy. t.

12. Thành viên H. i. ng. qu. n. tr. tr. c. ti. p. ho. c. gián. ti. p. c. h. ng. l. i. t. m. t. h. p. ng. ho. c. giao. d. ch. ã. c. ký. k. t. ho. c. ang. d. ki. n. ký. k. t. v. i. Công. ty. và. bi. t. b. n. thân. là. ng. i. có. l. i. ích. trong. ó. có. trách. nhi. m. công. khai. l. i. ích. này. t. i. cu. c. h. p. u. tiên. c. a. H. i. ng. th. o. lu. n. v. i. c. ký. k. t. h. p. ng. ho. c. giao. d. ch. này. Tr. ng. h. p. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. không. bi. t. b. n. thân. và. ng. i. liên. quan. có. l. i. ích. vào. th. i. i. m. h. p. ng, giao. d. ch. c. ký. v. i. Công. ty, thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. này. ph. i. công. khai. các. l. i. ích. liên. quan. t. i. cu. c. h. p. u. tiên. c. a. H. i. ng. qu. n. tr. c. t. ch. c. sau. khi. thành. viên. này. bi. t. r. ng. mình. có. l. i. ích. ho. c. s. có. l. i. ích. trong. giao. d. ch. ho. c. h. p. ng. nêu. trên.

13. H. i. ng. qu. n. tr. thông. qua. các. quy. t. nh. và. ra. ngh. quy. t. trên. c. s. a. s. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. d. h. p. tán. thành. Tr. ng. h. p. s. phi. u. tán. thành. và. ph. n. i. ngang. b. ng. nhau, phi. u. bi. u. quy. t. c. a. Ch. t. ch. H. i. ng. qu. n. tr. là. phi. u. quy. t. nh.

14. Ngh. quy. t. theo. hình. th. c. l. y. ý. ki. n. b. ng. v. n. b. n. c. thông. qua. trên. c. s. ý. ki. n. tán. thành. c. a. a. s. thành. viên. H. i. ng. qu. n. tr. có. quy. n. bi. u. quy. t. Ngh. quy. t. này. có. hi. u. l. c. và. giá. tr. nh. ng. quy. t. c. thông. qua. t. i. cu. c. h. p.

15. Chức H i ng qu n tr có trách nhi m g i biên b n h p H i ng qu n tr t i các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong cu c h p tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t ngày g i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và có th l p b ng ti ng Anh. Biên b n ph i có ch ký c a ch t a và ng i ghi biên b n.

i u 31. Các ti u ban thu c H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b . S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh, nh ng nên có ít nh t ba (03) ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên c l p H i ng qu n tr /thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chỉ m a s trong ti u ban và m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr . Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .
2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l công ty.

i u 32. Ng i ph trách qu n tr công ty

1. H i ng qu n tr ch nh ít nh t m t (01) ng i làm Ng i ph trách qu n tr công ty h tr ho t ng qu n tr công ty c ti n hành m t cách có hi u qu . Nhi m k c a Ng i ph trách qu n tr công ty do H i ng qu n tr quy t nh, t i a là n m (05) n m.
2. Ng i ph trách qu n tr công ty ph i áp ng các tiêu chu n sau:
 - a. Có hi u bi t v pháp lu t;
 - b. Không c ng th i làm vi c cho công ty ki m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty;
 - c. Các tiêu chu n khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và quy t nh c a H i ng qu n tr .
3. H i ng qu n tr có th bãi nhi m Ng i ph trách qu n tr công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr có th b nhi m Tr lý Ng i ph trách qu n tr công ty tùy t ng th i i m.
4. Ng i ph trách qu n tr công ty có các quy n và ngh a v sau:
 - a. T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;
 - b. Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr , Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát;

- c. T v n v th t c c a các cu c h p;
- d. Tham d các cu c h p;
- e. T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;
- f. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a H i ng qu n tr và Ki m soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo H i ng qu n tr v ho t ng công b thông tin c a công ty.
- h. B o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;
- i. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

i u 33. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và ch u s giám sát, ch o c a H i ng qu n tr trong công vi c kinh doanh hàng ngày c a Công ty. Công ty có T ng giám c, các Phó t ng giám c, K toán tr ng và các ch c danh qu n lý khác do H i ng qu n tr b nhi m. Vi c b nhi m mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c thông qua b ng ngh quy t H i ng qu n tr .

i u 34. Ng i i u hành doanh nghi p

1. Theo ngh c a T ng giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c tuyền d ng ng i i u hành khác v i s l ng và tiêu chu n phù h p v i c c u và quy ch qu n lý c a Công ty do H i ng qu n tr quy nh. Ng i i u hành doanh nghi p ph i có trách nhi m m n cán h tr Công ty t c các m c tiêu ra trong ho t ng và t ch c.
2. Thù lao, ti n l ng, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng ng i i u hành khác do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c.

i u 35. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c

1. H i ng qu n tr b nhi m m t (01) thành viên H i ng qu n tr ho c m t ng i khác làm T ng giám c; ký h p ng trong ó quy nh thù lao, ti n l ng và l i ích khác. Thù lao, ti n l ng và l i ích khác c a T ng giám c ph i c báo cáo t i i h i ng c ông th ng niên, c th hi n thành m c riêng trong Báo cáo tài chính n m và c nêu trong Báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Nhi m k c a T ng giám c không quá n m (05) n m và có th c tái b nhi m. Vi c b nhi m có th h th i u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này và ph i áp ng các tiêu chu n, i u ki n theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và chỉ huy công, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch xuất của Công ty đã của Hội đồng quản trị và chỉ huy công thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tài chính và đi u hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý thường;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cắt giảm chi phí, quy chế quản lý nhân sự của Công ty;
 - d. Xu hướng biến pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người đi u hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nhân sự và kiến nghị thôi lao, thôi lương và lợi ích khác đi với người đi u hành doanh nghiệp Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, vị trí bổ nhiệm, miễn nhiệm, miễn lương, trợ cấp, lợi ích, và các đi u khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động cá nhân;
 - g. Vào ngày 31/10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở áp dụng các đi u của ngân sách phù hợp công nghệ kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đính kèm) cho từng năm tài chính phải trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, đi u lệ này, các quy chế nhân sự của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chỉ huy công về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các công việc này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đã thành viên Hội đồng quản trị có quyền bãi u quyết định hợp tác thành và bổ Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

điều 36. Công ty, Ban Kiểm soát viên

1. Việc công ty, Ban Kiểm soát viên thực hiện nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 25 đi u lệ này.

2. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua và ứng cử không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát ứng cử có thể đề nghị thêm thành viên hoặc tổ chức đề cử theo cách quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ quản trị công ty. Chủ tịch Ban kiểm soát ứng cử các thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công khai những công thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán độc lập thực hiện kế toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên tiếp.
3. Các Kiểm soát viên bổ nhiệm (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc sau. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Trụ sở tập thể của Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng.
4. Kiểm soát viên bổ nhiệm nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có nợ thuế và đề nghị thu nộp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bổ nhiệm nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quy định của Hội đồng;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:
 - a. Xuất và kiểm tra hồ sơ công chứng nội dung kế toán kế toán chi phí kế toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước công đồng hội đồng giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phân bổ hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và công đồng;
 - d. Trình bày phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tình hình công đồng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội quy này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phân bổ quản trị công ty phải báo cáo toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Hội đồng và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho công đồng và thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức nội vi công đồng và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về chức năng của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần mỗi năm và cuộc họp phải tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Hội đồng quy định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí nhà ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng và lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người đại diện hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người đại diện hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có tính chất nội bộ của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của tổ chức cho cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người đại diện hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể công bố thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trường hợp phải hiện công có quy định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trực tiếp công ty để chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoặc công ty, tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác hoặc những người liên quan đến là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Giá trị hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người đại diện quản trị của hợp đồng hoặc giao dịch có liên quan và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Ngược lại, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phân tán thành các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Giá trị hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người đại diện quản trị của hợp đồng hoặc giao dịch này có liên quan và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về vấn đề, và những công đồng đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn chấp thuận là công bằng và hợp lý xét trên mức phí gần đây liên quan đến các công việc của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc người đại diện công đồng thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác và các thành viên, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được cung cấp thông tin chi tiết về phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác trừ khi nhận các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về tính trung thực và bí mật

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người đại diện hành khác vì phạm vi phạm vi, trách nhiệm trung thực và công bằng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất cân bằng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm vi của mình gây ra.
2. Công ty bí mật cho những người khác, người có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó là hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người đại diện hành khác, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty và người đó làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc người đi làm theo quy định của Công ty với người khởi kiện người đó hành vi trung thực, công bằng, mất cân bằng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đó hành vi phạm vi trách nhiệm của mình.
3. Khi tính trung thực của công ty, trách nhiệm về tính trung thực thì các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện hành khác, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty của Công ty bí mật khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Hành vi trung thực, công bằng, mất cân bằng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng không thể tính trung thực của mình.
4. Chi phí bí mật bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thủ tục hoặc coi là hợp lý khi ghi quy định về việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này tránh những trách nhiệm bí mật nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty hoặc nhóm công ty nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quy định chi tiết về quy định về yêu cầu kiểm tra danh sách công ty, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giới hạn phạm vi và giới hạn của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do người đi làm theo quy định của Công ty phải kèm theo giấy yêu cầu của Công ty mà người đó đi làm hoặc bản sao công chứng của giấy yêu cầu này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người đại diện khác có quy định kiểm tra sổ sách công của Công ty, danh sách công và sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình về nội dung các thông tin này phải có mặt.
3. Công ty phải lưu trữ và những bản sao bổ sung lưu, Giấy chứng nhận ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, quy định về nội dung công và Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc những khác về nội dung kiến là các công và Cơ quan ký kinh doanh để thông báo và đảm bảo lưu trữ các tài liệu này.
4. Phải lưu trữ công ty phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 43. Công nhân viên và công oàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nghỉ hưu, nghỉ việc, thôi việc, bồi dưỡng xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật về nghỉ hưu và người đại diện hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định nội dung này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Nội dung công quy định về hình thức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm tối thiểu của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tín dụng cổ tức hay khoản tín dụng chi trả liên quan tới mặt lợi ích phi lợi nhuận.
3. Hội đồng quản trị có thể ký kết nội dung công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng chứng khoán và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tín dụng khác liên quan tới mặt lợi ích phi lợi nhuận chi trả bằng tín dụng, Công ty phải chi trả bằng tín dụng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do công cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công cung cấp mà công có không nhận được tín dụng, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty đã chuyển cho công này. Việc thanh toán cổ tức về nội dung này các chứng khoán niêm yết/ chứng khoán giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể thực hiện thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Các Lu t doanh nghi p, Lu t ch ng khoán, H i ng qu n tr thông qua ngh quy t xác nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. Các theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân ph i l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác.
6. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ CH K TOÁN

i u 45. Tài kho n ngân hàng

1. Công ty m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.
2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n ti n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 46. N m tài chính

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t (01) hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p ó.

i u 47. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là Ch K toán Vi t Nam (VAS), ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng n v ti n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v ti n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c ti p.

XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

i u 48. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý

1. Công ty ph i l p Báo cáo tài chính n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a y ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh t i i u 50 i u l này. Trong th i h n 90 ngày k t khi k t

thức miễn thuế tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã chốt hàng công thông qua cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải ảnh hưởng tới cách trung thực và khách quan tình hình vốn lãi/lãi của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phải ảnh hưởng tới cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có) công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu có) các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (nếu có) công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý trong giới hạn vì lợi ích chính của Công ty và phải trả chi phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KẾ TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kế toán

1. Hội đồng công thường niên của mỗi công ty kế toán sẽ lập hoặc thông qua danh sách các công ty kế toán sẽ lập và nộp quy định cho Hội đồng quản trị quy định nội dung năm tài chính trong số các năm này thì hành kế toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và điều kiện thuận lợi của Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và ghi báo cáo tài chính năm cho công ty kế toán sẽ lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kế toán sẽ lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bên soạn báo cáo kế toán sẽ đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kế toán viên sẽ lập thành viên của kế toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp hội đồng mà các công ty quy định và được phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến việc kế toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON D U

i u 51. Con d u

1. H i ng qu n tr quy t nh thông qua con d u chính th c c a Công ty và con d u c kh c theo quy nh c a lu t pháp và i u l công ty.
2. H i ng qu n tr , T ng giám c s d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

i u 52. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có th b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. K t thúc th i h n h o t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n ;
 - b. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - c. B thu h i Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i c thông báo ho c ph i c ch p thu n b i c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 53. Gia h n h o t ng

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y (07) tháng tr c khi k t thúc th i h n h o t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n h o t ng c a Công ty theo ngh c a H i ng qu n tr .
2. Th i h n h o t ng c gia h n khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i c u ch p i h i ng c ông thông qua.

i u 54. Thanh lý

1. T i thi u sáu (06) tháng tr c khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty ho c sau khi có quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nh n viên c a Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho C quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u h o t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Tòa án và các c quan hành chính.
3. T i n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ, trừ nợ hoãn, nợ hoãn và các quy định khác của người lao động theo thỏa thuận và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (d) trên đây sẽ chia cho các cổ đông. Các cổ đông ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khi liên quan tới hoạt động của Công ty, quy định và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, nội bộ công ty, các quy định khác:

- a. Cổ đông của Công ty;
- b. Cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người đại diện khác;

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định giải quyết tranh chấp và yêu cầu tố tụng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chủ trì mời chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể giải quyết hòa giải trong vòng sáu (06) tháng kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không có các bên chấp thuận, một bên có thể khởi kiện tranh chấp ra Tòa tài phán hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tố tụng chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SAI LƯU

Điều 56. Nội bộ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung nội bộ này phải được Hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản nội bộ này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những nội dung trong nội bộ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực sẽ áp dụng và nội dung của nội bộ này không áp dụng cho Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điểm 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điểm này gồm 21 chương 57 điểm có hiệu lực công ty có phần xuất hiện mã XNK Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2018. điểm văn phòng Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điểm này.
2. Điểm chấp thành mã (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Mã (01) bản nộp tại Phòng công nghệ Nhà nước cấp ngành;
 - b. Mã (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Mã (04) bản lưu giữ tại cơ sở chính của Công ty.
3. Điểm này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điểm công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các công đồng sáng lập hoặc các người đại diện theo quy định của công đồng sáng lập của Công ty./.

Hội đồng, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**TM H I NG QU N TR
CH T CH**

Nguyễn Văn Bình